

Số: /BV-VTTBYT
V/v yêu cầu báo giá kiểm định, hiệu
chuẩn, thử nghiệm thiết bị y tế

Hoài Nhơn, ngày tháng 4 năm 2025

Kính gửi: Các đơn vị kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm thiết bị y tế

Bệnh viện ĐKKV Bồng Sơn có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu cung cấp dịch vụ Kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm thiết bị y tế phục vụ công tác khám, chữa bệnh của Bệnh viện ĐKKV Bồng Sơn như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện ĐKKV Bồng Sơn

Địa chỉ: 2699 Quang Trung, Phường Bồng Sơn, Thị xã Hoài Nhơn, Tỉnh Bình Định.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Bà Nguyễn Thị Hậu Huỳnh - Nhân viên Bộ phận Văn thư, Bệnh viện ĐKKV Bồng Sơn

Điện thoại: 02563.661.639

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Nhận qua đường bưu điện hoặc trực tiếp tại địa chỉ:

Phòng Văn thư, Bệnh viện ĐKKV Bồng Sơn

2699 Quang Trung, P. Bồng Sơn, TX. Hoài Nhơn, T. Bình Định

Ngoài bì ghi rõ: “ Báo giá cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm thiết bị y tế, không mở trước 10h00 ngày 28 tháng 4 năm 2025”

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày 16 tháng 4 năm 2025 đến trước 10h00 ngày 28 tháng 4 năm 2025.

Các báo giá không thể hiện đầy đủ nội dung theo yêu cầu của công văn mời và nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 28 tháng 4 năm 2025.

II. Nội dung yêu cầu báo giá

1. Danh mục thiết bị và số lượng cần kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm như sau:

ST T	Tên thiết bị	Model/SN	Nước SX	Đơn vị tính	Số lượng	Nội dung thực hiện
1	Máy thở (xâm nhập chuyên dùng cho nhi sơ sinh)	Puritan Bennett 840 SN:3512191757	Ireland	Máy	1	Kiểm định
2	Máy thở trẻ em + máy nén khí	Puritan Bennett 840 SN:3512162719	Ireland	Máy	1	Kiểm định
3	Máy thở chức năng cao	Servo-I SN: 104245	Thụy Điển	Máy	1	Kiểm định
4	Máy thở (Bipap không xâm nhập dùng cho người lớn)	BiPAP AVAPS SN:C 246605886994	Mỹ	Máy	1	Kiểm định
5	Máy thở	VFS-410 SN:10KBO600VLA 50003	Việt Nam	Máy	1	Kiểm định
6	Máy giúp thở không xâm nhập	Ventimotion 2 SN:12258; 13311	Đức	Máy	2	Kiểm định
7	Máy thở (CPAP không xâm nhập chuyên dùng cho nhi sơ sinh)	Medinsindi SN:80193471; 80193472	Đức	Máy	2	Kiểm định
8	Máy thở	AIRVO 2 SN: 210726294513; 210726294568	New Zealand	Máy	2	Kiểm định
9	Máy thở (xâm nhập chuyên dùng cho nhi sơ sinh)	Puritan Bennett 840 SN:3512191870	Ireland	Máy	1	Kiểm định
10	Máy thở chức năng cao Elisa 300	Elisa 300 SN:3211789; 3211560	Đức	Máy	2	Kiểm định
11	Máy thở	Eliciae MV 20 SN: ELMV00 433; ELMV00 434	Việt Nam	Máy	2	Kiểm định

12	Lồng ấp trẻ sơ sinh	BT-500 SN:FBK60002; FBK60003	Hàn Quốc	Máy	2	Kiểm định
13	Máy phá rung và tạo nhịp tim	TEC-5631 SN:06749; 06780	Nhật Bản	Máy	2	Kiểm định
14	Máy gây mê (máy gây mê kèm giúp thở)	Fabius Plus SN:ASPK-0001	Đức	Máy	1	Kiểm định
15	Máy hút dịch Thomas có chân đẩy	1242GJ SN: 031100003254	Mỹ	Máy	1	Kiểm định
16	Máy hút dịch Thomas có chân đẩy	1242 010400001352	Mỹ	Máy	1	Kiểm định
17	Máy hút dịch Thomas có chân đẩy	1240 SN: 00003254	Mỹ	Máy	1	Kiểm định
18	Máy hút dịch	SU-305P SN: 1516713; 20626	Đài Loan	Máy	2	Kiểm định
19	Máy hút dịch	New Hospivac 350 SN: 33973	Ý	Máy	1	Kiểm định
20	Máy hút khí màng phổi	Constant-1400 SN: 06100001U	Nhật Bản	Máy	1	Kiểm định
21	Máy hút dịch đờm dãi	1242RVJ SN: 00004678	Mỹ	Máy	1	Kiểm định
22	Máy hút dịch liên tục áp lực thấp	Constant-1400 SN: 2006005U; 2006006U	Mỹ	Máy	2	Kiểm định
23	Máy bơm CO2 của hệ thống phẫu thuật nội soi Tricam SLII	Tricam SLII SN: RR 782900-P	Mỹ	Máy	1	Kiểm định
24	Huyết áp kế thủy ngân	SN 19-25163	Nhật Bản	Máy	1	Kiểm định
25	Huyết áp kế	Alpk2	Nhật Bản	Máy	50	Kiểm định

26	Máy huyết áp điện tử	BB-A200 AFIB	Trung Quốc	Máy	9	Kiểm định
27	Nhiệt kế điện tử	RC-4 SN: EF5243100647; EF5243100648; EF5243100649; EF5243100650; EF5243100651	Trung Quốc	Máy	5	Hiệu chuẩn
28	Cân sức khỏe		Việt Nam	Cái	15	Kiểm định
29	Van an toàn nồi hấp tiết trùng 530 lít (Model: TC-750DA)	S10-L	Đài Loan	Cái	1	Hiệu chuẩn
30	Van an toàn nồi hấp áp lực chạy điện dung tích lớn (Model: SAP 600)	S10-1304	Đài Loan	Cái	1	Hiệu chuẩn
31	Đồng hồ đo áp suất (Hệ thống máy nén khí trung tâm)		Đức	Cái	3	Kiểm định
32	Nồi hấp điện loại 50-70 lít	HVE-50 SN: 30619030312; 30619030311	Nhật Bản	Cái	2	Kiểm định
33	Nồi hấp Tomy	SS325 SN: 31103284	Nhật Bản	Cái	1	Kiểm định
34	Tủ lạnh bảo quản bệnh phẩm	MPR-215F-PB SN:15010018	Nhật Bản	Cái	1	Hiệu chuẩn
35	Tủ lạnh LG 180L	GN-L185P5 SN:4100800007	Indonexia	Cái	1	Hiệu chuẩn
36	Tủ lạnh lưu trữ máu	HXC-158 SN:BE06LDE1T00 QJLAS0008	Trung Quốc	Cái	1	Hiệu chuẩn
37	Tủ lạnh lưu trữ máu SANYO	MBR107D SN:80301930	Nhật Bản	Cái	1	Hiệu chuẩn
38	Tủ đông 2 nắp đỡ	BCD-3068C SN: 10518FR10845	Trung Quốc	Cái	1	Hiệu chuẩn

39	Tủ âm contherm	1200 SN: 97666	New Zealand	Cái	1	Hiệu chuẩn
40	Tủ sấy Memmert	TV400 SN: A494.0180	Đức	Cái	1	Hiệu chuẩn
41	Tủ lạnh Hitachi	R-22AG4 SN: 2140900006	Nhật Bản	Cái	1	Hiệu chuẩn
42	Tủ lạnh Hitachi	R-15A3BK SN: 2460800404	Nhật Bản	Cái	1	Hiệu chuẩn
43	Tủ lạnh Hitachi	R-180J SN: 4100800007	Nhật Bản	Cái	1	Hiệu chuẩn
44	Máy li tâm để bàn Hettich	Rotofix 32A SN:0030066-04; 0030080-04; 0030076-04	Đức	Máy	3	Hiệu chuẩn
45	Máy li tâm máu	80-2	Trung Quốc	Máy	1	Hiệu chuẩn
46	Tủ an toàn sinh học ESCO	LA2-5A1 SN:2007-24814	Sigapore	Cái	1	Thử nghiệm các nội dung sau: 1. Tốc độ dòng khí hút vào tủ. 2. Tốc độ dòng khí thổi xuống. 3. Thử nghiệm hình thái dòng khí. 4. Độ ồn 5. Độ rò rỉ của bộ lọc HEPA. 6. Độ rơi bề mặt làm việc 7. Cường độ ánh sáng tím (cường độ tia cực tím UV).
47	Tủ an toàn sinh học cấp 1	BSC-1 SN:461218/36	Việt Nam	Cái	1	Thử nghiệm các nội dung sau:

						1. Tốc độ dòng khí hút vào tủ. 2. Tốc độ dòng khí thổi xuống. 3. Thử nghiệm hình thái dòng khí. 4. Độ ồn 5. Độ rò rỉ của bộ lọc HEPA. 6. Độ rọi bề mặt làm việc 7. Cường độ ánh sáng tím (cường độ tia cực tím UV).
48	Tủ cấy an toàn sinh học	JSCB-1500SB SN: 140818-30	Hàn Quốc	Cái	1	Thử nghiệm các nội dung sau: 1. Tốc độ dòng khí hút vào tủ. 2. Tốc độ dòng khí thổi xuống. 3. Thử nghiệm hình thái dòng khí. 4. Độ ồn 5. Độ rò rỉ của bộ lọc HEPA. 6. Độ rọi bề mặt làm việc 7. Cường độ ánh sáng tím (cường độ tia cực tím UV).
49	Pipet Piston (10 μ - 100 μ)	Dragon SN: YE173AB0047031; YE173AB0047034	Trung Quốc	Cái	2	Hiệu chuẩn
50	Pipet Piston (5 μ - 50 μ)	Dragon SN: YE179AG0010394	Trung Quốc	Cái	1	Hiệu chuẩn
51	Pipet Piston (100 μ - 1000 μ)	Dragon SN: YE17AAG0036978	Trung Quốc	Cái	1	Hiệu chuẩn

52	Pipet Piston (20μ - 200μ)	Dragon SN: YE174AB0068187	Trung Quốc	Cái	1	Hiệu chuẩn
53	Nhiệt ẩm kế Tanita		TT-513	Cái	4	Hiệu chuẩn

2. Các yêu cầu:

- Địa điểm thực hiện: tại Bệnh viện ĐKKV Bông Sơn.
- Yêu cầu: Kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm thiết bị y tế của danh mục nêu trên theo quy định.
- Giá cả: Đơn giá trong bảng giá bao gồm cả thuế phí các loại, chi phí nhân công, chi phí đi lại ăn ở của các kỹ sư và kỹ thuật viên đến để thực hiện công việc.

3. Thời gian thực hiện hợp đồng: trong vòng 30 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

Xin cảm ơn sự quan tâm của các tổ chức, đơn vị, cơ sở kinh doanh.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Bệnh viện;
- Trang TTĐT Bệnh viện;
- Cổng thông tin bộ y tế
(<https://chaogiattby.t.moh.gov.vn/>);
- Lưu: VT, VTTBYT.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Phan Công Định